

Bản án số: 94/2024/DS-ST
Ngày: 30 - 09 - 2024
“T/c hợp đồng dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đê

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông
Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An
Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
121/2024/TLST- DS ngày 08 tháng 04 năm 2024, theo Quyết định hoãn phiên tòa
số: 130/2024/QĐST- DS ngày 10 tháng 09 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (MB). Địa chỉ: Số A L, phường T, quận
C, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng là anh Nguyễn Văn P (vắng
mặt), anh Đinh Thanh T (có đơn xin vắng mặt), anh Trần Quyết T1 (vắng mặt),
anh Phan Trường S (vắng mặt) - Chuyên Viên xử lý nợ - Công ty M. Địa chỉ: Tầng
C, Tòa nhà M, G V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ, theo văn bản ủy quyền
số 454/UQ-MBAMC-TNB, ngày 18/03/2024.

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ,
huyện A, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt), anh Phan Tấn L, sinh năm 1978. Địa chỉ:
Khóm F, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã Đ, huyện A,
tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị T3, sinh năm 1967 (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Chí C, sinh năm 1988 (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Chí N, sinh năm 1997 (vắng mặt).

- Chị Lê Thị D, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Q** trình bày:*

Ngày 17/01/2023, **Ngân hàng TMCP Q** (MB) với chị **Nguyễn Thị Mỹ T2** và anh **Phan Tấn L** đã cùng ký kết Hợp Đồng Tín dụng số 219898.23.718.15674931.TD, để vay vốn. Theo khế ước số LD2301990029 thì lãi suất là 9,6 %/năm, số tiền vay là 800.000.000 đồng và theo khế ước số LD2306720650 thì lãi suất là 10 %/năm số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, mục đích là để mua bán gạo và tiệm tạp hóa.

Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của chị **Nguyễn Thị Mỹ T2** và anh **Phan Tấn L** gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 104-2017, diện tích 24.996 m², tại **ấp T, xã Đ, huyện A, Kiên Giang**; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM446511, số vào sổ cấp GCN: CS87209 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 13/4/2018; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 105-2017, diện tích 1382 m², tại **ấp T, xã Đ, huyện A, Kiên Giang**, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM446512, số vào sổ cấp GCN: CS87208 do Sở tài nguyên và môi trường cấp ngày 13/4/2018, theo hợp đồng thế chấp số 219921.21.718.15674931.BD được công chứng tại **Văn Phòng C1**, tỉnh Kiên Giang, số công chứng 2581, quyền 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/12/2021 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện A** theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị **Nguyễn Thị Mỹ T2** và anh **Phan Tấn L** đã không thực hiện trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ, khoản vay bị quá hạn từ ngày 19/12/2023, cụ thể:

Đến ngày 14/3/2024 chị **Nguyễn Thị Mỹ T2** và anh **Phan Tấn L** đã trả được số tiền là 720.025.428 đồng. Trong đó, vốn vay là 601.587.386 đồng, lãi suất 118.348.042 đồng. Còn dư nợ gốc là 1.198.412.614 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.386.342 đồng, nợ lãi chậm trả là 18.833.419 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là 1.232.632.375 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ khách hàng làm việc, yêu cầu chị **Nguyễn Thị Mỹ T2** và anh **Phan Tấn L** thanh toán nợ hoặc bàn giao tài sản bảo đảm cho **Ngân hàng TMCP Q** xử lý theo đúng quy định nhưng chị **Nguyễn Thị Mỹ T2** và anh **Phan Tấn L** không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Như vậy, bên vay và bên bảo đảm đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận theo các Hợp đồng tín dụng và các văn bản, giấy tờ khác có liên quan đã ký với Ngân hàng TMCP Q.

Yêu cầu Tòa giải quyết các vấn đề sau: Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ T2 và anh Phan Tấn L thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền: 1.232.632.375 đồng. Trong đó, 1.198.412.614 đồng nợ gốc, 34.219.761 đồng nợ lãi (*tạm tính đến hết ngày 14/3/2024*).

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ T2 và anh Phan Tấn L thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng Tín Dụng số 219898.23.718.15674931.TD ngày 17/01/2023 và khế ước nhận nợ kể từ ngày 15/3/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Mỹ T2 và anh Phan Tấn L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q, các tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 104-2017, diện tích 24.996 m², tại ấp T, xã Đ, huyện A, Kiên Giang; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM446511, số vào sổ cấp GCN: CS87209 do Sở T4 cấp ngày 13/4/2018 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 105-2017, diện tích 1382 m², tại ấp T, xã Đ, huyện A, Kiên Giang; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM446512, số vào sổ cấp GCN: CS87208 do Sở T4 cấp ngày 13/4/2018, theo hợp đồng thế chấp số 219921.21.718.15674931.BD được công chứng tại Văn Phòng C1, tỉnh Kiên Giang, số công chứng 2581, quyền 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/12/2021 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A theo đúng quy định pháp luật;

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hoặc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của chị Nguyễn Thị Mỹ T2 và anh Phan Tấn L đối với Ngân hàng TMCP Q. Nếu số tiền thu được từ bán hoặc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị Nguyễn Thị Mỹ T2 và anh Phan Tấn L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP Q xin vắng mặt nên không có lời trình bày.

* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Phan Tấn L, chị Nguyễn Thị Mỹ T2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T3, anh Nguyễn Chí C, anh Nguyễn Chí N, chị Lê Thị D vắng mặt nên không có lời trình bày.

- Kiểm sát viên phát biểu:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các vị Hội thẩm, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện chưa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (vắng mặt) nên được xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đến nơi cư trú của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để lấy lời khai nhưng bị đơn không có mặt tại nơi cư trú và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không hợp tác nên không lấy lời khai bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được. Ngày 22/08/2024 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tổng đạt hợp lệ cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Thực tế vào ngày 17/01/2023, Ngân hàng TMCP Q (MB) với chị Nguyễn Thị Mỹ T2 và anh Phan Tấn L đã cùng ký kết Hợp Đồng Tín dụng số 219898.23.718.15674931.TD, để vay vốn. Theo khế ước số LD2301990029 thì lãi suất là 9,6 %/năm, số tiền vay là 800.000.000 đồng và theo khế ước số LD2306720650 thì lãi suất là 10 %/năm số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, mục đích là để mua bán gạo và tiệm tạp hóa. Khi vay vốn, bị đơn và người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị T3** có thể chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 104-2017, diện tích 24.996 m², tại **ấp T, xã Đ, huyện A, Kiên Giang**; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM446511, số vào sổ cấp GCN: CS87209 do **Sở T4** cấp ngày 13/4/2018; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 105-2017, diện tích 1382 m², tại **ấp T, xã Đ, huyện A, Kiên Giang**, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM446512, số vào sổ cấp GCN: CS87208 do **Sở T4** cấp ngày 13/4/2018, theo hợp đồng thế chấp số 219921.21.718.15674931.BD được công chứng tại **Văn Phòng C1**, tỉnh Kiên Giang, số công chứng 2581, quyền 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/12/2021 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện A** theo đúng quy định pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 29/09/2024 người đại diện theo ủy quyền của **Ngân hàng TMCP Q** xác định là từ khi Ngân hàng khởi kiện đến nay phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đồng thời yêu cầu buộc chị **Nguyễn Thị Mỹ T2** và anh **Phan Tấn L** thanh toán cho **Ngân hàng TMCP Q** số tiền: 1.232.632.375 đồng. Trong đó, nợ gốc là 1.198.412.614 đồng, tiền lãi tạm tính đến hết ngày 14/3/2024 là 34.219.761 đồng và buộc chị **Nguyễn Thị Mỹ T2** và anh **Phan Tấn L** thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng Tín dụng số 219898.23.718.15674931.TD ngày 17/01/2023, và khế ước nhận nợ kể từ ngày 15/3/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị **Nguyễn Thị Mỹ T2** và anh **Phan Tấn L** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì **Ngân hàng TMCP Q** có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho **Ngân hàng TMCP Q**, các tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 104-2017, diện tích 24.996 m², tại **ấp T, xã Đ, huyện A, Kiên Giang**; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM446511, số vào sổ cấp GCN: CS87209 do **Sở T4** cấp ngày 13/4/2018 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 105-2017, diện tích 1382 m², tại **ấp T, xã Đ, huyện A, Kiên Giang**; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM446512, số vào sổ cấp GCN: CS87208 do **Sở T4** cấp ngày 13/4/2018, theo hợp đồng thế chấp số 219921.21.718.15674931.BD được công chứng tại **Văn Phòng C1**, tỉnh Kiên Giang, số công chứng 2581, quyền 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/12/2021 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi

nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện A theo đúng quy định pháp luật; Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hoặc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của chị Nguyễn Thị Mỹ T2 và anh Phan Tấn L đối với Ngân hàng TMCP Q. Nếu số tiền thu được từ bán hoặc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị Nguyễn Thị Mỹ T2 và anh Phan Tấn L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q và đồng thời Ngân hàng TMCP Q có nghĩa vụ trả lại các tài sản, giấy tờ đã thế chấp cho người thế chấp sau khi nhận đủ tiền vay.

[4]. Về án phí: Bị đơn anh Phan Tấn L, chị Nguyễn Thị Mỹ T2 bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 48.978.971 đồng [36.000.000 đ + (3% x 432.632.375 đồng); nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại 24.489.500 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho Ngân hàng TMCP Q, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004901 ngày 01/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất “Những quy định chung” của Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự và phần III Công văn số: 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 về giải đáp một số vướng mắc trong xét xử.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ T2 và anh Phan Tấn L thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền: 1.232.632.375 đồng. Trong đó, nợ gốc là 1.198.412.614 đồng, tiền lãi tạm tính đến hết ngày 14/3/2024 là 34.219.761 đồng và buộc chị Nguyễn Thị Mỹ T2 và anh Phan Tấn L thanh toán phần nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng Tín dụng số 219898.23.718.15674931.TD ngày 17/01/2023 và khế ước nhận nợ, kể từ ngày 15/3/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị Nguyễn Thị Mỹ T2 và anh Phan Tấn L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho

Ngân hàng TMCP Q, các tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 104-2017, diện tích 24.996 m², tại **ấp T, xã Đ, huyện A, Kiên Giang**; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM446511, số vào sổ cấp GCN: CS87209 do **Sở T4** cấp ngày 13/4/2018 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 105-2017, diện tích 1382 m², tại **ấp T, xã Đ, huyện A, Kiên Giang**; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CM446512, số vào sổ cấp GCN: CS87208 do **Sở T4** cấp ngày 13/4/2018, theo hợp đồng thế chấp số 219921.21.718.15674931.BD được công chứng tại **Văn phòng C1**, tỉnh Kiên Giang, số công chứng 2581, quyền 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/12/2021 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện A** theo đúng quy định pháp luật;

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hoặc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của chị **Nguyễn Thị Mỹ T2** và anh **Phan Tấn L** đối với **Ngân hàng TMCP Q**. Nếu số tiền thu được từ bán hoặc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì chị **Nguyễn Thị Mỹ T2** và anh **Phan Tấn L** vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho **Ngân hàng TMCP Q** và đồng thời **Ngân hàng TMCP Q** có nghĩa vụ trả lại các tài sản, giấy tờ đã thế chấp cho người thế chấp sau khi nhận đủ tiền vay.

Về án phí: Bị đơn anh **Phan Tấn L**, chị **Nguyễn Thị Mỹ T2** bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 48.978.971 đồng (*bốn mươi tám triệu chín trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi một đồng*); nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Q** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại 24.489.500 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho **Ngân hàng TMCP Q**, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004901 ngày 01/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai vắng mặt, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện AM;
- Chi cục THADS huyện AM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSYA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

